2023年度厚生労働省委託事業
Program commissioned by the Ministry of Health, Labour and Welfare

TOKYO
東京都(とうきょうと)版

英語・スペイン語・中国語・ベトナム語

2023/7/18

むりょう! FREE! GRATUITO! 免费! Miễn phí !

Japanese Language for Work

しごとのためのにほんご

9月スタート

外国人就労・定着支援研修
Training Course for Promoting Stable Employment of Foreign Residents
Curso de Capacitación para Promover el Empleo Estable para Residentes Extranjeros
外国人就业及稳定就业支援培训
Khóa đào tạo hỗ trợ tìm kiếm việc làm ổn định dành cho người nước ngoài

ざいりゅうしかく/ Status of residence/ Tipo de visa/ 居留资格/ Tư cách lưu trú

- えいじゅうしゃ/ にほんじん の はいぐうしゃ など/ えいじゅうしゃ の はいぐうしゃ など/ ていじゅうしゃ
- Permanent resident, Spouse or child of Japanese national, Spouse or child of permanent resident, and Long term resident
- Residente permanente (“eijusha”), cónyuge o hijo de japonés (“nihonjin no haigusha”), cónyuge o hijo de residente permanente (“eijusha no haigusha”) y residente de largo período (“teijusha”).
- 永住者, 日本人的配偶等, 永住者的配偶等, 定住者
- Người cư trú vĩnh viễn, vợ/chồng của người Nhật,v.v…, vợ/chồng của người cư trú vĩnh viễn,v.v…, người đăng ký thường trú.

もうしこみ/ To apply/ Inscripción/ 报名方法/ Cách đăng ký

ハローワークでもうしこみ

- Apply at “Hello Work”
- Inscribirse en la Oficina Pública de Empleos (Hello Work)
- 请在公共职业安定所进行咨询、办理申请手续
- Đăng ký tại Văn phòng ổn định việc làm “Hello Work”

ハローワーク 東京
“Hello Work Tokyo” Info.

●しゃしん 1 まい
Photo × 1,
1 Foto
照片1张,
1 tấm ảnh
(3 × 4cm)

●ざいりゅうカード or パスポート
ZAIRYU Card or Passport
La Tarjeta de Residencia o Pasaporte
在留卡或护照
Thẻ lưu trú Hoặc hộ chiếu

レベルチェックテスト

- Placement Test
- Prueba de nivel
- 日语水平测试
- Bài thi kiểm tra trình độ

テストの 2～3にちまえ までに JICEから でんわ か メールがきます
・Mail/Call from JICE
2-3days before the Test

けんしゅう スタート
Training Begins/ Inicio del curso
进修开始/ Bắt đầu khóa đào tạo

ちゅういじこう/ Notes/ Notas/ 注意事项/ Điểm cần lưu ý

- レベルチェックテストは かならず うけてください。テストの けっかで けんしゅうを うけることが できないことが あります。レベルチェックテストには　えんぴつ と けしごむを もってきてください。
- All participants are required to take the placement test to determine Japanese level. Please note that if the test results indicate that none of the course levels would be appropriate for your level, you may be asked to participate in upcoming courses instead. Please bring a pencil and an eraser for the placement test.
- Rendir la prueba de nivel (examen escrito y de conversación) es requisito básico para participar en los cursos. Según el resultado de estos exámenes, existe la posibilidad de no poder participar en el curso. Por favor, traer lápiz y borrador para el examen.
- 为了决定所属班级，请务必参加日语水平考试。如果考试结果与培训课程的水平不相符时，有可能会请您参加下一次以后的培训。日语水平测试时请带上书写工具。
- Nhất định hãy tham gia bài thi kiểm tra trình độ. Tùy vào kết quả của bài thi, có thể bạn sẽ không được tham gia khóa đào tạo. Hãy mang theo bút chì và cục tẩy để làm bài thi kiểm tra trình độ.

コース Course Curso No.	かいじょう Place Lugar、会场 Địa điểm học	レベル Level Nivel 等级 Trình độ	コースきかん、にちじ Course Period,Times Período del Curso, Horario 培训期间、课程表 Thời gian khóa học		しめきり Application Deadline Fecha Límite para Inscripción 申请最后期限 Hạn đăng ký	レベルチェックテスト Placement Test Prueba de nivel 日语水平测试 Bài thi kiểm tra trình độ
34	しんじゅく 新宿 SHINJUKU	3	2023/9/5 ～ 2023/10/25		8/15	8/23
			げつ～きん Mon.ーFri. Lun. a vie. 周一~周五 Thứ 2 ~Thứ 6	10:00 ～ 13:00		10:00～
35	しんじゅく 新宿 SHINJUKU	2	2023/9/5 ～ 2023/10/25			8/23
			げつ～きん Mon.ーFri. Lun. a vie. 周一~周五 Thứ 2 ~Thứ 6	14:00 ～ 17:00		14:00～
41	しぶや 渋谷 SHIBUYA	2	2023/9/11 ～ 2023/11/1		8/23	8/30
			げつ～きん Mon.ーFri. Lun. a vie. 周一~周五 Thứ 2 ~Thứ 6	9:00 ～ 12:00		9:30～
42	しぶや 渋谷 SHIBUYA	3	2023/9/11 ～ 2023/11/1			8/30
			げつ～きん Mon.ーFri. Lun. a vie. 周一~周五 Thứ 2 ~Thứ 6	13:30 ～ 16:30		14:00～
46	としま　いけぶくろ 豊島（池袋） TOSHIMA (IKEBUKURO)	1	2023/9/13 ～ 2023/11/2		8/31	9/5
			げつ～きん Mon.ーFri. Lun. a vie. 周一~周五 Thứ 2 ~Thứ 6	9:00 ～ 12:00		9:30～
47	としま　いけぶくろ 豊島（池袋） TOSHIMA (IKEBUKURO)	2	2023/9/13 ～ 2023/11/2			9/5
			げつ～きん Mon.ーFri. Lun. a vie. 周一~周五 Thứ 2 ~Thứ 6	13:30 ～ 16:30		14:00～
53	えどがわ 江戸川 EDOGAWA	3	2023/9/13 ～ 2023/11/1		9/1	9/5
			げつ～きん Mon.ーFri. Lun. a vie. 周一~周五 Thứ 2 ~Thứ 6	9:00 ～ 12:00		9:30～
54	えどがわ 江戸川 EDOGAWA	1	2023/9/13 ～ 2023/11/8			9/5
			げつ～きん Mon.ーFri. Lun. a vie. 周一~周五 Thứ 2 ~Thứ 6	13:30 ～ 16:30		14:00～
59	かつしか 葛飾 KATSUSHIKA	2	2023/9/12 ～ 2023/11/2		8/25	9/4
			げつ～きん Mon.ーFri. Lun. a vie. 周一~周五 Thứ 2 ~Thứ 6	9:00 ～ 12:00		9:30～
62	たちかわ 立川 TACHIKAWA	2	2023/9/26 ～ 2023/11/15		9/8	9/15
			げつ～きん Mon.ーFri. Lun. a vie. 周一~周五 Thứ 2 ~Thứ 6	9:30 ～ 12:30		9:30～
65	あきしま・おうめ 昭島・青梅 AKISHIMA・OME	3	2023/9/25～ 2023/11/13			9/14
			げつ～きん Mon.ーFri. Lun. a vie. 周一~周五 Thứ 2 ~Thứ 6	9:30 ～ 12:30		9:30～

かいじょう/ Access Map/ Mapa de acceso/ 会场

しんじゅく SHINJUKU

にほんこくさいきょうりょくセンター(JICE)
Odakyu Dai-ichi Seimei Bldg 16F, 2-7-1, Nishi-Shinjuku, Shinjuku-ku

-JR**しんじゅくえき**(にしぐち)とほ **15ふん**
-おおえどせん とちょうまええき(A4でぐち) とほ５ふん
-まるのうちせん にししんじゅくえき(E4でぐち) とほ５ふん

かつしか KATSUSHIKA

かつしか シンフォニーヒルズ
6-33-1 Tateishi, Katsushika-ku

-けいせいせん **あおとえき** とほ **5ふん**

しぶや SHIBUYA

こくりつオリンピックきねんせいしょうねんそうごうセンター
3-1-1 Kamizono-cho, Yoyogi, Shibuya-ku

-おだきゅうせん **さんぐうばしえき** とほ **7ふん**
-ちよだせん **よよぎこうえんえき** とほ **10ぷん**

たちかわ TACHIKAWA

しばさきかいかん
1-16-3 Shibasaki-cho, Tachikawa-shi

-JR **たちかわえき** とほ **13ぷん**
-たまモノレール **しばさきたいいくかんえき** とほ **8ふん**

としま TOSHIMA（いけぶくろ IKEBUKURO）

みらいかんたいめい
3-30-8, Ikebukuro, Toshima-ku

-JR **いけぶくろえき**(C1でぐち) とほ **10ぷん**
-ゆうらくちょうせん **かなめちょうえき**(5でぐち) とほ **8ふん**

あきしま AKISHIMA おうめ OUME

にしたましんぶんしゃ
33 Honcho, Fussa-shi

-JR **ふっさえき** とほ **5ふん**

えどがわ EDOGAWA

タワーホールふなぼり
4-1-1 Funabori, Edogawa-ku

-とえいしんじゅくせん **ふなぼりえき**(きたぐち) とほ **3ぷん**

江戸川区後援

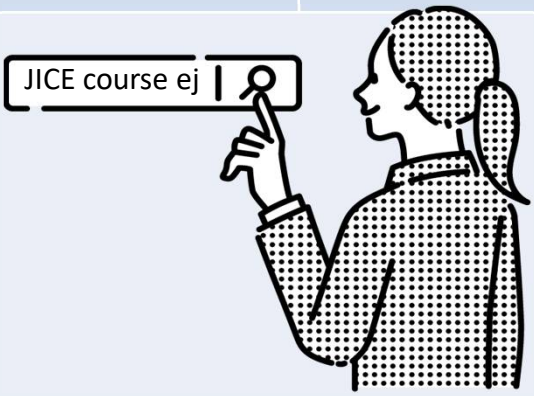

ほかの ちいきのコース じょうほう

JICE Website
https://www.jice.org/tabunka/course/

JICE Facebook
しごとのためのにほんご
https://www.facebook.com/jice.tabunka/

【おもな学習内容/ Course Content/ Contenido principal del estudio /主要学习内容/ Nội dung học tập hính】

●このコースでは、安定就労に向けて、「はたらく」場面で用いる日本語や日本の職場習慣、雇用慣行などを学習します。

- This course aims to promote stable employment by teaching Japanese used in work situations, in addition to business customs a nd employment practices.
- En este curso aprenderán japonés que se usa en escenas relacionadas con "trabajo", las costumbres en el lugar de trabajo y la s prácticas habituales de empleo en Japón entre otras cosas.
- 本课程将学习在"工作"场景中使用的日语、日本职场的习惯和雇佣习惯等，为稳定就业做准备。
- Trong khóa học này, bạn sẽ học tiếng Nhật sử dụng trong các tình huống "Làm việc", tập quán ở nơi làm việc của Nhật Bản và thói quen tuyển dụng, v.v... để có được việc làm ổn định.

レベル1 Level Nive/等级 Trình độ	はじめて にほんご を べんきょうする ひと、にほんご が すこし はなせるが、ひらがな・カタカナの よみかきが にがてな ひとの コースです。 ・This class is for people who are studying Japanese for the first time, who can speak a little Japanese but cannot read or write Hiragana and Katakana very well. ・Es un curso destinado a personas que aprenderán japonés por primera vez o pueden hablar un poco en japonés pero tienen dificultad para leer y escribir hiragana y katakana. ・本课程适合日语初学者以及会说简单日语，但不擅长平假名/片假名读写的学员。 ・Đây là khóa học dành cho người mới bắt đầu học tiếng Nhật, và người có thể nói một chút tiếng Nhật, nhưng còn yếu về kỹ năng đọc, viết Hiragana và Katakana.
レベル2 Level Nive/等级 Trình độ	ひらがな・カタカナの読み書きができ、日本語を少し勉強したことがある人のコースです。 生活の中で日本語での簡単なやり取りが少しできる人のコースです。 ・This class is for people who can read and write Hiragana and Katakana and have studied a little Japanese before. It is also for people who can communicate somewhat in simple Japanese in daily life. ・Es un curso destinado tanto a personas que han estudiado un poco el idioma japonés y pueden leer y escribir hiragana y katakana, como a personas que en la vida cotidiana pueden comunicarse un poco en japonés de forma breve. ・本课程适合会平假名/片假名读写，学过少量日语的学员。以及在生活中会用日语少量简单交流的学员。 ・Đây là khóa học dành cho người đã có thể đọc viết Hiragana và Katakana, đã từng học một chút tiếng Nhật. Khóa học này dành cho người có thể trao đổi đơn giản được một chút bằng tiếng Nhật trong cuộc sống hàng ngày.
レベル3 Level Nive/等级 Trình độ	ひらがな・カタカナや簡単な漢字の読み書きができ、生活の中である程度会話ができる人のコースです。 状況や相手に合わせた職場での話し方をさらに伸ばしましょう。 ・This class is for people who can read and write Hiragana, Katakana and simple Kanji characters and can carry on conversations in Japanese fairly well in daily life. It is recommended for people who wish to improve their skills in speaking appropriately at work in accordance with the situation or the person being spoken to. ・Es un curso destinado a personas que pueden leer y escribir hiragana, katakana y algunos kanjis básicos, también en la vida cotidiana pueden comunicarse en japonés hasta cierto punto. El objeto es mejorar la manera correcta de comunicarse en japonés conforme a la persona con la que habla o a la situación en el lugar de trabajo. ・本课程适合会平假名/片假名及简单汉字的读写，在生活中能进行一定程度日语对话的学员。符合不同场景及交谈对象的职场会话在本项课程学习中会更加进步。 ・Đây là khóa học dành cho người có thể đọc viết Hiragana, Katakana và một vài Hán tự đơn giản, có thể giao tiếp ở một mức độ nhất định trong cuộc sống hàng ngày. Hãy phát triển hơn nữa cách giao tiếp tại nơi làm việc sao cho phù hợp phù hợp với tình huống và đối tượng giao tiếp.

安定的な就職・職場定着の促進

- Promotion of stable employment and workplace assimilation
- Promoción de empleo estable y arraigo en el lugar de trabajo.
- 促进稳定的就职及职场稳定就业
- Thúc đẩy ổn định việc làm và làm việc lâu bền tại nơi làm việc

といあわせ/ Contact Info/ Información de contacto/ 联系方式/ Liên hệ
★JICE現地連絡調整員（げんちれんらくちょうせいいん）/ Local Coordinator

かいじょう Place/Lugar 会场 /Địa điểm học	なまえ Name/ Nombre/ 姓名 Tên	でんわばんごう TEL/ Teléfono/ 电话号码/ Số điện thoại E メールアドレス/ E-mail	ことば Language/ Idiomas/ 语言 Ngôn ngữ
あきしま・おうめ/ AKISHIMA・OME たちかわ/ TACHIKAWA	屋宜 ジセラ （Ms. Yagi）	080 4336 1340 tabunka21＠softbank.ne.jp	にほんご・スペインご・えいご Japanese, Spanish & English 日语・西班牙语・英语
えどがわ/ EDOGAWA かつしか/ KATSUSHIKA	陳　岩 （Ms. Chen）	090 9101 4597 tabunka01@softbank.ne.jp	にほんご・ちゅうごくご Japanese ＆ Chinese 日本语・汉语
しぶや / SHIBUYA としま / TOSHIMA	李　京蘭 （Ms. Lee）	080 4816 0191 tabunka02@softbank.ne.jp	にほんご・ちゅうごくご Japanese ＆ Chinese 日本语・汉语
しんじゅく/ SHINJUKU	サン デニス （Mr. Dennis）	090 9964 2936 tabunka03@softbank.ne.jp	にほんご・えいご・タガログご Japanese, English & Tagalog 日本语・英语・他加禄语

JICE
一般財団法人日本国際協力センター
〒163-0716東京都新宿区西新宿二丁目7番1号　小田急第一生命ビル16階

All Rights Reserved, Copyright © 2023, Japan International Cooperation Center.